TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 7 - 2022
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Hùng Minh**

Bà **Vũ Thị Thùy Dương**

- *Thư ký phiên tòa:* Anh **Nguyễn Xuân Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/3/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50 ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trần Tuấn T**, sinh năm 1986

- *Bị đơn:* Chị **Mai Ngọc A**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/3/2022, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Khanh trình bày:**

Anh và chị Mai Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Tầnh T1, sinh ngày 12/10/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh tại Bảo Bình, chị làm rẫy còn anh làm kỹ nghệ sắt và làm rẫy phụ gia đình, kinh tế tạm ổn, cuộc sống bình thường.

Đầu năm 2021, vợ chồng lên thành phố làm thợ may, từ đây, chị A thay đổi. Chị nhắn tin với người đàn ông khác, anh khuyên can nhưng không được nên vợ chồng về lại Cẩm Mỹ. Sau nửa tháng, chị bỏ đi, anh không biết chị đi đâu, làm gì.

Anh đã làm thủ tục đăng tin tìm người vắng mặt tại nơi cư trú, đăng báo, đài phát thanh, đài truyền hình tìm chị nhưng không có kết quả. Nay anh yêu cầu được ly hôn cùng chị.

Về con chung anh đề nghị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Tấnh T1, sinh ngày 12/10/2014; không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có.

*** Bị đơn anh chị Mai Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.**

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai, biên bản niêm yết, quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, báo nhân dân, hợp đồng thông tin về việc đăng tin, phiếu thu.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ**: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Anh chị kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 11/2020 chị A đã bỏ đi không rõ địa chỉ. Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị A nhưng vẫn không biết chị A ở đâu. Mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 87, 89, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung giao cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Tấnh T1, sinh ngày 12/10/2014 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời chị A không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Tuấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Mai Ngọc A, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng

nuôi con nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Mai Ngọc A có hộ khẩu thường trú tại xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được đăng báo tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú và được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Tuấn T và chị Mai Ngọc A có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Bình huyện Cẩm Mỹ vào năm 2008, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn Tú nhận thấy:

Anh T khai cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng lên thành phố làm ăn, chị không chung thủy nên anh đưa chị về lại Bảo Bình sống. Chưa đầy nửa tháng chị đã bỏ đi không rõ địa điểm. Anh đã làm thủ tục tìm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không có kết quả. Anh không còn tình cảm với chị, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị A không đến, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Tại (BL35), anh Mai Văn M là anh ruột của chị A xác định từ năm 2021 chị A và anh T không còn ở với nhau, anh T nhiều lần về quê vợ để tìm nhưng không có kết quả. Gia đình cũng muốn khuyên bảo chị A nhưng chị không liên lạc với gia đình và thay số điện thoại nên không nói chuyện được.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau nhưng chị bỏ nhà đi không rõ tin tức từ cuối năm 2021. Mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[5] Về con chung: anh T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T và Trần Tành T1, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc vợ chồng không sống cùng nhau, cháu Trúc và Tài sống cùng ba, các cháu có nguyện vọng sống với ba, chị A được triệu tập nhưng không đến làm việc nên giao cháu Trúc và Tài cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; anh không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: anh T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, 90, 91, 92, 93, 94 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn T.

Anh Trần Tuấn T được ly hôn với chị Mai Ngọc A.

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Tành T1, sinh ngày 12/10/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, chị A không cấp dưỡng nuôi con.

Chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Tuấn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp sang án phí (Biên lai số 0004143 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. Cẩm Mỹ;*
- *Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Bảo Bình;*
- *Hồ sơ vụ án.*
- *Lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Ba **Lại Thị Thúy Hằng** **Nguyễn Thị Hải Yến**